

**PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2007/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2006/QĐ-BTC ngày 28/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2006 - 2013**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị quyết số 292/NQ-UBTVQH9 ngày 08 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chương trình giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính*

*phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định thư về việc tham gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu*

*lực chung (CEPT) để thực hiện Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) (sau đây được gọi là Hiệp định CEPT/AFTA), ký tại Băng Cốc ngày 15 tháng 12 năm 1995;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi tên quy định tại Điều 1 của Quyết định số 09/2006/QĐ-BTC ngày 28/02/2006 về việc ban hành Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2006 - 2013 và Danh mục kèm theo thành “Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN”.

**Điều 2.** Hàng hóa nhập khẩu để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN (viết tắt là thuế suất CEPT) phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

b) Được nhập khẩu từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam, bao gồm các nước sau:

- Bru-nây Đa-ru-sa-lam;
- Vương quốc Cam-pu-chia;
- Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;
- Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Ma-lay-xi-a;
- Liên bang My-an-ma;
- Cộng hòa Phi-líp-pin;
- Cộng hòa Sing-ga-po; và
- Vương quốc Thái Lan;

c) Thỏa mãn yêu cầu xuất xứ ASEAN, được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D (viết tắt là C/O mẫu D) do các cơ quan sau đây cấp:

- Tại Bru-nây Đa-ru-sa-lam là Bộ Ngoại giao và ngoại thương;
- Tại Vương quốc Cam-pu-chia là Bộ Thương mại;
- Tại Cộng hòa In-đô-nê-xi-a là Bộ Thương mại;

- Tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là Bộ Thương mại;

- Tại Ma-lay-xi-a là Bộ Ngoại thương và công nghiệp;

- Tại Liên bang My-an-ma là Bộ Thương mại;

- Tại Cộng hòa Phi-líp-pin là Bộ Tài chính;

- Tại Cộng hòa Sing-ga-po là Cơ quan Hải quan; và

- Tại Vương quốc Thái Lan là Bộ Thương mại.

d) Được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu là thành viên của ASEAN đến Việt Nam, theo quy định của Bộ Thương mại.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng cho các tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp chỉ đạo thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung